

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quy hoạch – Kiến trúc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2026. Các thủ tục hành chính tại Mục B Phần I, Mục II Phần II của Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, các Vụ trưởng, Cục trưởng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Bộ, Trung tâm CNTT;
- Công thông tin điện tử BXD;
- Lưu: VT, QHKT^(ntk).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Tường Văn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC KIẾN TRÚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	1.008891	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh
2	1.008989	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		hành nghề kiến trúc).	quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.	
3	1.008990	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh
4	1.008991	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh
5	1.008992	Công nhận chứng chỉ hành nghề	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.	thuộc UBND cấp tỉnh
6	1.008993	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc

1.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đối với trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ;
- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc;
- Cá nhân đăng ký nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại địa điểm nộp hồ sơ.

1.2. Cách thức thực hiện:

Cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu kèm theo Quyết định này;
- 02 ảnh màu nền trắng cỡ 4 x 6 cm được chụp không quá 06 tháng;
- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao bằng đại học phù hợp với nội dung chứng chỉ đề nghị cấp; đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải có bản dịch sang tiếng Việt, được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam và xuất trình bản chính để đối chiếu;
- Kết quả sát hạch đạt yêu cầu còn hiệu lực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoạt động kiến trúc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

1.8. Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ, theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu đơn kèm theo Quyết định này

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có trình độ đại học trở lên trong lĩnh vực kiến trúc;
- Có kinh nghiệm tham gia thực hiện dịch vụ kiến trúc tối thiểu 03 năm tại tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc hợp tác với kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân (Cá nhân đạt giải thưởng kiến trúc quốc gia hoặc giải thưởng quốc tế được miễn điều này);
- Đạt yêu cầu sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Cá nhân có thời gian liên tục từ 10 năm trở lên trực tiếp tham gia quản lý nhà nước về kiến trúc,

đào tạo trình độ đại học trở lên về lĩnh vực kiến trúc, hành nghề kiến trúc được miễn điều kiện này).

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

MẪU ĐƠN
ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP/GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Căn cước công dân/Hộ chiếu:....., ngày cấp: .../.../.....,
nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú:.....
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:,.....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp / gia hạn chứng
chỉ hành nghề:năm.....
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn kiến trúc:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án / đồ án: Nhóm dự án/:..... Loại công trình: Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:... 2.....	
2				
3				
...				

12. Quá trình phát triển nghề nghiệp liên tục (điểm CPD)^(*)

STT	Thời gian	Hoạt động Phát triển nghề nghiệp liên tục	Điểm CPD	Ghi chú
1	Năm.....	Viết bài trên tạp chí kiến trúc số.....	01	
2	Năm.....	Tham gia học cao học	01	
		Tổng số điểm CPD tích lũy	20	

Đề nghị cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**Xác nhận của cơ quan,
tổ chức, đơn vị công tác ^(**)**
(Ký, đóng dấu)

Tỉnh/thành phố, ngày...../...../.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

(*) Trường hợp xin cấp chứng chỉ không kê khai mục này.

(**) Cá nhân tham gia hành nghề độc lập không phải lấy xác nhận này.

2. Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).

2.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh.
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo một lần bằng văn bản hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu kèm theo Quyết định này;
- 02 ảnh màu, nền trắng, cỡ 04 x 06 cm chân dung của người đề nghị được chụp không quá 06 tháng;
- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp và phải xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề để đối chiếu (trừ trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề).
- Giấy tờ chứng minh thông tin cần thay đổi (trường hợp thay đổi thông tin cá nhân được ghi trên chứng chỉ hành nghề)

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hành nghề trong lĩnh vực kiến trúc.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

2.8. Lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ, theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu kèm theo Quyết định này.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

MẪU ĐƠN
ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC
(DO CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ BỊ MẤT, HƯ HỎNG HOẶC THAY ĐỔI
THÔNG TIN CÁ NHÂN ĐƯỢC GHI TRONG CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
 2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
 3. Quốc tịch:.....
 4. Số Căn cước công dân/Hộ chiếu:....., ngày cấp: .../.../.....,
nơi cấp:.....
 5. Địa chỉ thường trú:.....
 6. Số điện thoại:....., Địa chỉ email:.....
 7. Đơn vị công tác:.....
 8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):.....
 9. Số Chứng chỉ hành nghề đã được cấp:
Số Chứng chỉ hành nghề:....., ngày cấp:.../.../....., nơi cấp.....
Lĩnh vực hoạt động:.....
- Đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc với nội dung như sau:
- Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:.....
- ☐ Chứng chỉ bị mất, hỏng, rách.
- ☐ Sai thông tin trên chứng chỉ.
- ☐ Khác:
- Xin điều chỉnh thông tin ghi trên chứng chỉ:

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung của đơn này và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

3. Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp

3.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo một lần bằng văn bản hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu kèm theo Quyết định này;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp và phải xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề để đối chiếu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hành nghề trong lĩnh vực kiến trúc.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

3.8. Phí, lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu kèm theo Quyết định này.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

MẪU ĐƠN
ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC
BỊ GHI SAI DO LỖI CỦA CƠ QUAN CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Quốc tịch:.....
4. Số Căn cước công dân/Hộ chiếu:....., ngày cấp: .../.../.....,
nơi cấp:.....

5. Địa chỉ thường trú:.....

6. Số điện thoại:....., Địa chỉ email:.....

7. Đơn vị công tác:.....

8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):.....

9. Số Chứng chỉ hành nghề đã được cấp:

Số Chứng chỉ hành nghề:....., ngày cấp:.../.../....., nơi cấp.....

Lĩnh vực hoạt động:.....

Đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc với nội dung như sau:

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:.....

☐ Chứng chỉ bị mất, hỏng, rách.

☐ Sai thông tin trên chứng chỉ.

☐ Khác:

Xin điều chỉnh thông tin ghi trên chứng chỉ:

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung của đơn này và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

4. Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

4.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo một lần bằng văn bản hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

4.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu kèm theo Quyết định này;

- 02 ảnh màu, nền trắng, cỡ 04 x 06 cm chân dung của người đề nghị được chụp không quá 06 tháng;

- Văn bản xác nhận của tổ chức xã hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu về kiến trúc về việc tham gia hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục. Trường hợp tham gia các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục tại nước ngoài thì cần có văn bản, chứng chỉ hoặc tài liệu chứng minh việc đã tham gia hoạt động đó, được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp và phải xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề để đối chiếu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hành nghề trong lĩnh vực kiến trúc.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

4.8. Phí, lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ, theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu kèm theo Quyết định này.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Đảm bảo phát triển nghề nghiệp liên tục theo quy định;
- Không vi phạm Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

MẪU ĐƠN
ĐỀ NGHỊ GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP/GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Căn cước công dân/Hộ chiếu:....., ngày cấp: .../.../.....,
nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú:.....
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:,.....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp / gia hạn chứng
chỉ hành nghề:năm.....
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn kiến trúc:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án / đồ án: Nhóm dự án/:..... Loại công trình: Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:.... 2.....	
2				

3				
...				

12. Quá trình phát triển nghề nghiệp liên tục (điểm CPD)^(*)

STT	Thời gian	Hoạt động Phát triển nghề nghiệp liên tục	Điểm CPD	Ghi chú
1	Năm.....	Viết bài trên tạp chí kiến trúc số.....	01	
2	Năm.....	Tham gia học cao học	01	
		Tổng số điểm CPD tích lũy	20	

Đề nghị cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**Xác nhận của cơ quan,
tổ chức, đơn vị công tác ^(**)**
(Ký, đóng dấu)

Tỉnh/thành phố, ngày...../...../.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

(*) Trường hợp xin cấp chứng chỉ không kê khai mục này.

(**) Cá nhân tham gia hành nghề độc lập không phải lấy xác nhận này.

5. Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam

5.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo một lần bằng văn bản hướng dẫn tới cá nhân đề nghị công nhận chứng chỉ hành nghề để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam.

5.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu quy định tại Quyết định này;

- 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng (ảnh) chân dung của cá nhân đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp và phải xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề để đối chiếu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.3. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.4. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân là người nước ngoài hành nghề kiến trúc ở Việt Nam dưới 06 tháng.

5.5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5.6. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc tại Việt Nam.

5.7. Lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ, theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

5.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu kèm theo Quyết định này.

5.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

5.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

MẪU ĐƠN
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC
 Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Hộ chiếu số:ngày cấp:nơi cấp.....
5. Số điện thoại:
6. Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề (năm, tháng):
10. Chứng chỉ hành nghề số:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động:
11. Thời hạn:
12. Quá trình hoạt động chuyên môn kiến trúc:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án / đồ án: Nhóm dự án/:..... Loại công trình: Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:... 2.....	
2				
3				
...				

Đề nghị công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc với các nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

6. Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam

6.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo một lần bằng văn bản hướng dẫn tới cá nhân đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm ra văn bản chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam.

6.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu kèm theo Quyết định này;

- 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng (ảnh) chân dung của cá nhân đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp và phải xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề để đối chiếu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân là người nước ngoài hành nghề kiến trúc ở Việt Nam từ 06 tháng trở lên.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc tại Việt Nam.

6.8. Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ, theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu theo Quyết định này.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, tham gia dịch vụ kiến trúc ở Việt Nam từ 06 tháng trở lên.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

MẪU ĐƠN
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Hộ chiếu số:ngày cấp:nơi cấp.....
5. Số điện thoại:
6. Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề (năm, tháng):
10. Chứng chỉ hành nghề số:.....ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động:
11. Thời hạn:
12. Quá trình hoạt động chuyên môn kiến trúc:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án / đồ án: Nhóm dự án/:..... Loại công trình: Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:... 2.....	
2				
3				
...				

Đề nghị công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc với các nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)